

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **128/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 06/5/2021.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHAÂN DANH**

**NŌŌÙC CŌÄNG HOŌA XÃ HOÃI CHUŌ NGHŌA VIEÃT NAM**

**TOŌA ÀÙN NHAÂN DANH THAŌNH PHŌÁ BIEÂN HOŌA**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

***1. Ông Nguyễn Trung Diễn - Cán bộ hưu trí***

***2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa.***

***- Thŏ kỳ ù phieân toaŏ: OÄng Vũ Kim Hải – Thư ký toaŏ àùn nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2471/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐ-HPT ngày 15/4/2021, giữa:

***1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1995.***

***Địa chỉ: C315, tổ 3, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.***

***Địa chỉ liên lạc: 186 Lê Văn Việt, phường T, quận 9, thành phố H.***

***2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1992.***

***Địa chỉ: C315, tổ 3, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.***

***(Bà A, ông Đ vắng mặt)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn Đ tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn Đ.

- Về con chung: Có 03 cháu tên Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/9/2012; Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 10/7/2014 và Vũ Tuấn K, sinh ngày 01/4/2017. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên L và giao 02 cháu Thảo N, Tuấn K cho ông Đ nuôi dưỡng. Bà cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**\* Bị đơn ông Vũ Văn Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Vân A tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi có cãi nhau nhưng không lớn. Hiện tại ông vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 cháu tên Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/9/2012; Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 10/7/2014 và Vũ Tuấn K, sinh ngày 01/4/2017. Trường hợp, ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cuộc sống vợ chồng của bà A, ông Đ không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà A yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân A.

Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/9/2012 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 10/7/2014 và Vũ Tuấn K, sinh ngày 01/4/2017 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời, bà A cấp dưỡng nuôi cháu Thảo N và Tuấn K mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**\* Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà A xin ly hôn với ông Đ có địa chỉ cư trú tại: C315, tổ 3, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, *toà a àn tiến hành* xét xử vắng mặt bà A, ông Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Đ có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 75 ngày 19/8/2013) nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà A trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Sau nhiều lần Tòa án làm việc với bà, bà vẫn cương quyết xin được hôn với ông Đ.

Ông Đ trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi có cãi nhau nhưng không lớn. Hiện tại ông vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình làm việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông đến Tòa làm việc nhưng ông vẫn vắng mặt thể hiện ông không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà A. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 05/3/2021 thì địa phương cho biết vợ chồng ông Đ, bà A có xảy ra mâu thuẫn, lục đục với nhau.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Đ, bà A là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A giải quyết cho bà A được ly hôn với ông Đ để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Có 03 cháu tên Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/9/2012; Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 10/7/2014 và Vũ Tuấn K, sinh ngày 01/4/2017. Ly hôn bà A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và bà sẽ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Thảo N, Tuấn K mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); ông Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 cháu.

Xét thấy: Bà A, ông Đ có 03 người con chung, việc bà A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên L là hợp lý và cháu L cũng có mong muốn được ở cùng với bà Anh. Do đó giao cháu Thiên L cho bà A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu N và Tuấn K cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Đ không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con và việc bà A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là thể hiện tình cảm và trách nhiệm đối với con. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà A đối với cháu Thảo N, Tuấn K mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân *gia đình* sơ thẩm: Bà A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007380 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Caên còu vào các Điều 28, 35, 39, 228, 233, 235, 266, 271, 273  
Boà luaät Toá tuäng daân sõi.*

*Caên còu vào các Điều 51, 56, 57 Luaät Hoân nhaân vaø gia  
ninh.*

*Aùp duïng* Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Vân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với ông Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/9/2012 cho bà Nguyễn Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Vũ Hoàng Thảo N, sinh ngày 10/7/2014 và Vũ Tuấn K, sinh ngày 01/4/2017 cho ông Vũ Văn Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời, bà Nguyễn Thị Vân A cấp dưỡng nuôi 02 cháu Thảo N, Tuấn K mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông Đ, bà A được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007380 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Vũ Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Toà án tỉnh;
- VKS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕU SÔ  
THAẢM**

**Thaảm phaùn – Chuû toĩa phieân  
toĩa**

**Trần Thị Mỹ Hạnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nôi nhaän:

**ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÂM**

- Toaø aùn tænh

**phaùn – Chuû toïa phieân toøa**

- VKS TP Bieân Hoøa

- Caùc ñöông söi

**T.M HOÄI**

**Thaâm**

- Thi haønh aùn
- Löu hoà sô
- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Löu VP

**Thị Mỹ Hạnh**

**Trần**